VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2024/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này

1. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Thuốc sử dụng trong nông nghiệp:

- Thuốc trừ sâu: 753 hoạt chất với 1834 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ bệnh: 725 hoạt chất với 1676 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ cỏ: 273 hoạt chất với 853 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ chuột: 08 hoạt chất với 49 tên thương phẩm.
- Thuốc điều hòa sinh trưởng: 63 hoạt chất với 187 tên thương phẩm.
- Chất dẫn dụ côn trùng: 08 hoạt chất với 08 tên thương phẩm.

- Thuốc trừ ốc: 31 hoạt chất với 154 tên thương phẩm.

- Chất hỗ trợ (chất trải): 05 hoạt chất với 06 tên thương phẩm.

b) Thuốc trừ mối: 16 hoạt chất với 27 tên thương phẩm.

c) Thuốc bảo quản lâm sản: 07 hoạt chất với 08 tên thương phẩm.

d) Thuốc khử trùng kho: 03 hoạt chất với 10 tên thương phẩm.

đ) Thuốc sử dụng cho sân golf:

- Thuốc trừ bệnh: 02 hoạt chất với 02 tên thương phẩm.

- Thuốc điều hòa sinh trưởng: 01 hoạt chất với 01 tên thương phẩm.

e) Thuốc xử lý hạt giống:

- Thuốc trừ sâu: 10 hoạt chất với 16 tên thương phẩm.

- Thuốc trừ bệnh: 12 hoạt chất với 12 tên thương phẩm.

g) Thuốc bảo quản nông sản sau thu hoạch

- 01 hoạt chất với 01 tên thương phẩm.

2. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản: 23 hoạt chất.

b) Thuốc trừ bệnh: 06 hoạt chất.

c) Thuốc trừ chuột: 01 hoạt chất.

d) Thuốc trừ cỏ: 01 hoạt chất.

3. Bảng mã số HS thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam thực hiện theo Mục 23, Mục 24 của Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2025.

2. Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Bảo vệ thực vật) để xem xét và kịp thời giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hoàng Trung

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
I. THUỐC SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP:				
1. Thuốc trừ sâu:				
1	Abamectin (min 90%)	Ababetter 5EC	nhện đỏ/ quýt; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Abacare 5EW	nhện đỏ/ chè, cam	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Abafax 1.8EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Abagold 65EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/chè	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Abagro 4.0EC	sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam; sâu xanh/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cà chua; bọ trĩ/ chè; sâu tơ/ cải bắp	Asiagro Pacific Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Abakill 3.6EC, 10WP	**3.6EC:** rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ xoài; sâu vẽ bùa/ cam **10WP:** sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH TM DV Nông Hưng
		Abamec-MQ 50EC	sâu khoang/lạc, nhện đỏ/chè	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		Abamine 3.6EC, 5WG	**3.6EC:** sâu tơ/ bắp cải, nhện đỏ/ cam, sâu xanh/ đậu tương, bọ trĩ/ dưa hấu, sâu đục ngọn/ điều; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ xít muỗi/điều **5WG:** sâu tơ/ bắp cải; nhện gié/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Aba-navi 4.0EC	nhện gié/ lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Abapro 5.8EC	rầy xanh/ chè, sâu cuốn lá/ lúa, nhện đỏ/ cam	Sundat (S) Pte Ltd
		Abasuper 1.8EC	sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Aba thai 5.4EC	sâu vẽ bùa/ cam, nhện/ xoài; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Abatimec 3.6EC	bọ trĩ/ dưa hấu; nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/cam	Công ty CP Đồng Xanh
		Abatin 5.4 EC	sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh ăn lá/ dưa chuột; dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải	Map Pacific Pte Ltd
		Abatox 3.6EC	bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
		Abavua 36EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Abavec super 5.5EC	rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Abekal 3.6EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Abinsec 1.8EC	sâu cuốn lá/ lúa	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Abvertin 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Aceny 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Acimetin 5EC, 100WG	**5EC:** rầy nâu/ lúa, bọ xít muỗi/ chè **100WG**: nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Agbamex 5EC	sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Global Farm
		Agromectin 1.8 EC, 5.0WG	**1.8EC:** nhện gié/ lúa, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải, sâu tơ/ súp lơ, bọ nhảy/ cải thảo, sâu xanh/ cải xanh, bọ trĩ/ nho, nhện đỏ/ cam, sâu xanh da láng/ hành **5.0WG:** sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
		Agrovertin 50EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa, sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/cà chua	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Akka 3.6EC, 22.2WP	**3.6EC:** sâu xanh/ cà chua; nhện gié, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; sâu tơ/ cải bắp; bọ trĩ/ dưa hấu **22.2WP**: sâu tơ/ bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu	Eastchem Co., Ltd.
		Alfatin 18 EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Alibaba 6.0EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải, sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM Thái Nông
		Amazin's 3.6EC	sâu tơ/bắp cải, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Amectinaic 36EC	rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải, nhện lông nhung/ nhãn	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		AMETINannong 5.55EC, 10WP	rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH An Nông
		Anb40 Super 1.8EC, 22.2WP	**1.8EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu **22.2WP:** sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh, sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Andomec 5EC, 5WP	**5EC:** sâu đục bẹ/ lúa, sâu tơ/ bắp cải, rầy bông/ xoài; nhện lông nhung/ nhãn **5WP:** sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh da láng/ rau cải, rệp sáp/cà phê	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Ankamec 3.6EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Aremec 45EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; dòi đục lá/ đậu tương; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; rệp, sâu khoang/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Azimex 40EC	sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ rau cải, bắp cải; ruồi/ lá cải bó xôi; sâu xanh da láng/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ, bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ nhãn; bọ xít muỗi/ điều, chè; rệp sáp, nhện đỏ/ cà phê; sâu khoang, sâu xanh/ lạc	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		B40 Super 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu phao/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu xanh/ đậu xanh; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Bamectin 5.55EC, 22.2WG	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu vẽ bùa/cam; sâu ăn lá/ chôm chôm, sầu riêng	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
		Binhtox 3.8EC	nhện đỏ/ cam; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy/ bông xoài; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Brightin 4.0EC	sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		BN-Tegosuper 5SC	tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Bnongduyen 4.0EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP SAM
		Boama 2.0EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH MTV Trí Văn Nông
		BP Dy Gan 5.4EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ lạc; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH TM Bình Phương

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Carbamec 75EC, 100WP	bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Car pro 3.6EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ cải xanh; dòi đục lá/cà chua	Công ty CP Bốn Đúng
		Catcher 2EC	nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; dòi đục lá/ rau bó xôi	Sinon Corporation
		Catex 3.6EC, 100WG	**3.6EC:** sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh da láng/ hành; bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh/ đậu xanh; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa; sâu vẽ bùa, bọ trĩ, nhện đỏ/ cam, quýt; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu đục quả/ xoài **100WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nicotex
		Chitin 3.6EC	nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Đầu trâu Merci 1.8EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Daphamec 5.0EC	rầy bông/xoài; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dibamec 3.6EC, 5WG	sâu đục cành/ điều; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang, sâu xanh/ thuốc lá; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; rầy bông / xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam; bọ xít/ vải, nhãn; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu tơ, sâu xanh, sâu xám/ bắp cải; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cải xanh; dòi đục lá, sâu vẽ bùa/ cà chua; bọ xít, bọ trĩ, nhện gié, sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; rệp, rệp muội, sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		DT Aba 60.5EC	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Fanty 3.6EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Haihamec 3.6EC	bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu, điều; nhện đỏ/ cam; rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty TNHH SX TM Hải Hằng
		Hifi 3.6EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
		Honest 54EC	sâu khoang/lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/bắp cải, bọ trĩ/dưa hấu; nhện lông nhung/ nhãn	Công ty CP Hóc Môn
		Invert 1.8EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Javitin 36EC, 100WP	**36EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; nhện lông nhung/ vải; sâu đục quả/ xoài; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè **100WP:** sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ vải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Jianontin 3.6EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Longphaba 3.6EC, 88SC	**3.6EC:** sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa **88SC:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Limectin 4.5EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
		Mahal 3.6EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Megamectin 20EC, 126WG	**20EC:** sâu đục quả/ vải, tuyến trùng/ hồ tiêu **126WG:** sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Melia 3.6EC	sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh/ chè; sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Miktin 3.6 EC	bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ/ lúa; bọ xít, sâu đục quả/ vải; sâu xanh da	Công ty CP TM BVTV Minh Khai

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			láng/ đậu tương; sâu xanh/ cà chua; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; sâu tơ, rệp, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rầy bông/ xoài	
		Nafat 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa, nhện đỏ/ sắn	Công ty TNHH Kiên Nam
		Nas 60EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú
		Newsodant 5.5EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; nhện đỏ, bọ trĩ/ cam	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
		Nimbus 6.0EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu đục quả/ vải; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
		Nockout 3.6GR, 3.6EC	**3.6GR:** tuyến trùng/ cà phê **3.6EC**: sâu khoang/ cải bắp	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Novimec 3.6EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Nông Việt
		Nouvo 3.6EC	bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ xít muỗi/điều; nhện đỏ/ quýt	Công ty CP Nông dược HAI
		NP Pheta 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			hấu; sâu xanh/ lạc, thuốc lá; dòi đục lá/ cà chua; rầy bông/ xoài; nhện đỏ, vẽ bùa/ cam	
		Obamausa 55EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư Liên Việt
		Oxatin 6.5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Sơn Thành
		Parma 3.6EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Phesoltin 5.5EC	sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa, nhện đỏ/cam, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Phi ưng 4.0 EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
		Phumai 3.6EC	sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ/ chè; sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ cánh tơ/ chè; sâu đục quả/ vải	Công ty CP ĐTKTNN và PTNT Trung ương
		Plutel 5EC	rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu tơ, sâu khoang, sâu xanh, rệp muội/ bắp cải; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; bọ xít/ vải thiều; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy/ xoài; rệp muội/ nhãn; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột, nho; sâu xanh/ cà chua	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Queson 5.0EC	sâu tơ, sâu xanh/ cải xanh; rệp sáp/ cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
		Reasgant 3.6EC, 5WG	**3.6EC:** sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; bọ xít, sâu đo, rệp muội/ vải, nhãn, na, hồng; rệp muội, nhện, sâu ăn lá/ điều; nhện đỏ, sâu xanh/ hoa hồng; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu, nho; rầy/ xoài; sâu khoang/ lạc; nhện đỏ/ sắn dây; sâu ăn lá, rầy, rệp muội/ hồ tiêu; sâu róm/ thông; sâu tơ/ súp lơ; nhện/ cà pháo, cà tím; bọ nhảy, sâu tơ/ cải thảo, rau cải, su hào; sâu khoang/ mồng tơi; sâu xanh da láng/ hành **5WG:** sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam; bọ xít/ vải, nhãn; bọ cánh tơ/ chè; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu róm/thông; bọ trĩ/ dưa chuột	Công ty TNHH Việt Thắng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Redsuper 20WG, 39EC	**20WG:** sâu cuốn lá/lúa **39EC:** sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Vagritex
		Sauaba 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ nhảy/bắp cải, bọ xít muỗi/chè, sâu vẽ bùa/ cam, nhện/ quýt	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Sau tiu 3.6EC	sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP TST Cần Thơ
		Shertin 5.0EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, sâu xám bọ nhảy, sâu khoang / bắp cải; bọ trĩ/ nho, dưa hấu; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rệp muội/ cam, vải; nhện lông nhung/ vải	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Sieusher 3.6EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Silsau 6.5EC, 10WP	**6.5EC:** nhện gié, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; nhện đỏ/cam; sâu xanh da láng/lạc **10WP:** nhện đỏ, bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc, đậu tương, đậu xanh; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, bọ trĩ/ cà chua, ớt, cam	Công ty TNHH ADC

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Sittomectin 5.0EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh/ bắp cải; sâu tơ/ cải xanh; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
		Tập Kỳ 1.8EC	sâu tơ/ bắp cải	Viện Di truyền Nông nghiệp
		Tigibamec 6.0EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Lan Anh
		Tiger five 5EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH P-H
		Tikabamec 3.6EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhảy/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP XNK Thọ Khang
		Tictak 50EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Quốc tế Balakie
		Tineromec 3.6EC, 70WG	**3.6EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, rệp/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài; bọ trĩ/ điều **70WG:** sâu tơ/ cải bắp	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Tungatin 3.6 EC	sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít hôi, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu phao, sâu đục thân/ lúa; sâu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cải xanh; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; nhện đỏ/ dưa chuột; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh da láng đậu xanh; sâu đục quả/ đậu tương; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông xoài; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp, mọt đục cành/ cà phê; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân/ điều	
		Tervigo® 020SC	tuyến trùng/khoai tây, hồ tiêu, thanh long, cà phê, cam, sầu riêng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Vibamec 5.55EC	bọ trĩ/ dưa hấu, nho; nhện đỏ, bọ trĩ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, rầy nâu, nhện gié, sâu năn/ lúa; nhện đỏ/cam; sâu xanh/ cải xanh	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Voi thai 3.6EC, 25WP	**3.6EC**: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa **25WP:** sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu xanh/ lạc, thuốc lá; dòi đục lá/ cà chua; rầy bông/ xoài; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Voiduc 42EC	nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Waba 3.6EC, 18WP	**3.6EC:** sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa;	Công ty TNHH US.Chemical

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu **18WP:** rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu	
2	Abamectin 10g/l + Acetamiprid 30g/l	Acelant 40EC	rệp, bọ trĩ/ bông vải; rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
3	Abamectin 20g/l + Acetamiprid 230g/l	Newtoc 250EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Safari 250EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
4	Abamectin 36g/l + Alpha-cypermethrin 54g/l	Shepatin 90EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa, sâu xanh/ đậu xanh	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
5	Abamectin 18 g/l + Alpha-cypermethrin 32g/l	Siutox 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
6	Abamectin 36g/l + Alpha-cypermethrin 100g/l	B thai 136EC	nhện gié, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ hà/ khoai lang	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
7	Abamectin 0.5% + Azadirachtin 0.3%	Azaba 0.8EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu trạch, vải; nhện đỏ, sâu ăn lá, sâu vẽ bùa/cam; sâu xanh/ thuốc lá; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nông Sinh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
8	Abamectin 54g/l + Azadirachtin 1g/l	Agassi 55EC	bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh da láng/ lạc; sâu tơ/ bắp cải; nhện lông nhung, sâu đục gân lá/ vải; sâu đục quả/ xoài; bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ dưa hấu	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
9	Abamectin 10g/l + Azadirachtin 26g/l	Fimex 36EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/xoài; sâu khoang/ đậu tương	Công ty CP Công nghệ cao thuốc BVTV USA
		Azetin 36EC	nhện đỏ/cam; sâu vẽ bùa/bưởi	Công ty TNHH ADC
10	Abamectin 35.8g/l (59.9g/l), (69g/kg) + Azadirachtin 0.2g/l (0.1g/l), (1g/kg)	Goldmectin 36EC, 60SC, 70SG	**36EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; rệp/ ngô; sâu khoang/ thuốc lá; sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ hồ tiêu **60SC, 70SG:** sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
11	Abamectin 36g/l + Azadirachtin 1g/l	Mectinsuper 37EC	sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ bưởi; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
12	Abamectin 37 g/l + Azadirachtin 3 g/l	Vinup 40 EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng /súp lơ; sâu xanh/cà chua; bọ cánh tơ, rầy	Công ty TNHH US.Chemical

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			xanh/ chè; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu đục cuống/ vải; bọ trĩ, rệp đào/ chanh leo; nhện đỏ, bọ xít muỗi/ chè; sâu khoang/ bắp cải, đậu tương; sâu đục quả/ cà phê	
13	Abamectin 6 g/l + Azadirachtin 1g/l + Emamectin benzoate 5g/l	Elincol 12ME	sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP ENASA Việt Nam
14	Abamectin 0.1% (3.5%) + *Bacillus thuringiensis* var.kurstaki 1.9% (0.1%)	Kuraba WP, 3.6EC	**WP:** sâu tơ, sâu xanh, sâu đo, dòi đục lá/ bắp cải; sâu khoang, sâu xanh/ lạc; sâu đo, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu đục thân/ ngô; sâu đục gân lá, sâu đục quả/ vải; nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, sâu ăn lá/ cam; sâu xanh/ bông vải; sâu róm/ thông **3.6EC:** sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; nhện lông nhung/ vải; bọ cánh tơ, nhện đỏ, rầy xanh/ chè; sâu khoang, sâu xanh, sâu đục quả/ đậu tương, lạc; nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
15	Abamectin 0.9% + *Bacillus thuringiensis* var. kurstaki 1.1% (4.5 x 10^{10} cfu/g)	ABT 2 WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu đục cuống, sâu đục quả, sâu đục gân lá/ vải; nhện đỏ/ chè; bọ trĩ/ thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nông Sinh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
16	Abamectin 1g/kg + *Bacillus thuringiensis* var.kurstaki 19g/kg	Akido 20WP	sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải, sâu vẽ bùa/ bưởi, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
17	Abamectin 2g/kg (53g/l) + *Bacillus thuringiensis* var. kurstaki 18 g/kg (1g/l)	Atimecusa 20WP, 54EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
18	Abamectin 1.8g/kg + *Bacillus thuringiensis* 20g/kg (10^{10} bào tử/g)	Tridan 21.8WP	sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; ruồi đục quả/ xoài; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
19	Abamectin 30g/l + Beta-cypermethrin 15g/l	Smash 45EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
20	Abamectin 17.5g/l + Chlorfluazuron 0.5g/l	Confitin 18EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
21	Abamectin 18 g/l + Chlorantraniliprole 45g/l	Voliam Targo® 063SC	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/lúa; sâu keo mùa thu/ ngô; ruồi đục lá/khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
22	Abamectin 10g/l + Chlorfenapyr 100g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Glan 130EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
23	Abamectin 18 g/l + Cypermethrin 132 g/l	Nongtac 150EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
24	Abamectin 0.7% + Cyromazine 30.3%	Cyrotat 31SC	sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH A2T Việt Nam
25	Abamectin 1% + Cyromazine 34%	Cymazin 35SC	sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH B.Helmer
26	Abamectin 60g/l + (dầu kHóang và dầu hoa tiêu) 3g/l	Song Mã 63EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
27	Abamectin 100g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Dinosingold 300WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
28	Abamectin 22g/l + Dinotefuran 100g/l + Emamectin benzoate 55g/l	Dofamec 177EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
29	Abamectin 8.45% + Emamectin benzoate 1.54%	Abavec gold 9.99EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
30	Abamectin 64g/l (7.2%), (25g/kg) + Emamectin benzoate 1g/l (4.0%), (50g/kg)	Acprodi 65EC, 11.2WP; 75WG	**65EC**: nhện đỏ/ vải **11.2WP**: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa **75WG**: nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
31	Abamectin 36g/l (36g/kg), (18g/kg) + Emamectin benzoate 20g/l (20g/kg), (50g/kg)	B52duc 56EC, 56SG, 68WG	**56EC:** nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa **56SG:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **68WG:** sâu cuốn lá/lúa; nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
32	Abamectin 18g/l (1g/kg) + Emamectin benzoate 3g/l (125g/kg)	Divasusa 21EC, 126WG	**21EC:** bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu róm/ thông **126WG:** sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
33	Abamectin 22g/l (50g/kg) + Emamectin benzoate 55g/l (100g/kg)	Dofama 77EC, 150WG	**77EC:** sâu cuốn lá/lúa **150WG:** nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
34	Abamectin 30 g/l (38g/kg) + Emamectin benzoate 25g/l (70g/kg)	Footsure 55EC, 108WG	**55EC:** sâu khoang/lạc **108WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành
35	Abamectin 35g/kg (35g/l) + Emamectin benzoate 35g/kg (40g/l)	Emalusa 70SG, 75EC	**70SG:** sâu tơ/ bắp cải **75EC**: bọ cánh tơ/chè	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
36	Abamectin 3% + Emamectin benzoate 2%	Daiwantin 5EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty CP Futai

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Jia-mixper 5EC	sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Uni-dualpack 5EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH World Vision (VN)
37	Abamectin 18g/l (78g/kg) Emamectin benzoate 2g/l (38g/kg)	Unimectin 20EC, 116WG	**20EC:** bọ trĩ/ lúa, tuyến trùng/ hồ tiêu **116WG:** sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
38	Abamectin 47g/l + Emamectin benzoate 20g/l	Voi tuyệt vời 67EC	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
39	Abamectin 35g/l + Emamectin benzoate 1g/l	Sieufatoc 36EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
40	Abamectin 42g/l + Emamectin benzoate 0.2g/l	Sitto Password 42.2EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh/ dưa hấu; rầy xanh/ chè; sâu khoang/ đậu tương; rầy bông/ xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific)
41	Abamectin 10g/kg + Emamectin benzoate 70g/kg	Newmexone 80WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vagritex
42	Abamectin 2% + Emamectin benzoate 1%	Hải cẩu 3.0EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
43	Abamectin 43g/l + Emamectin benzoate 5g/l	S-H Thôn Trang 4.8EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
44	Abamectin 18g/l + Emamectin benzoate 2g/l	TC-Năm Sao 20EC	bọ cánh tơ/ chè, bọ trĩ/ dưa hấu, bọ xít/ vải, rệp muội/ nhãn, sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
45	Abamectin 20g/l + Emamectin benzoate 5g/l + Imidacloprid 120g/l	Vdcpenalduc 145EC	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
46	Abamectin 3% (30g/l) + Etoxazole 12% (120g/l)	AF-Exatin 15SC	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Agrifuture
		Ω-Etosuper 150EC	nhện đỏ/ chè, sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
47	Abamectin 4% + Etoxazole 16%	Bonich 20SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Etoggo 20SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
48	Abamectin 5% + Etoxazole 35%	Tpower 40SC	nhện đỏ/ phật thủ	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
49	Abamectin 50 g/l + Etoxazole 110 g/l	Laura 160SC	nhện đỏ/ đậu tương	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
50	Abamectin 50 g/l + Etoxazole 200 g/l	Atoxa 250SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
51	Abamectin 5% + Etoxazole 15%	Nabazole 20SC	nhện đỏ/ sắn	Nanjing Agrochemical Co., Ltd.
52	Abamectin 0.5% (0.48%) + Fosthiazate 10% (9.52%)	Abathi 10.5GR, 10ME	**10.5GR:** tuyến trùng/ cà phê, hồ tiêu **10ME**: tuyến trùng/hồ tiêu	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
53	Abamectin 5 g/kg + Fosthiazate 100 g/kg	Foszatin 10.5GR	tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
54	Abamectin 0.45% + Fosthiazate 4.55%	ADU-Nonema 50GR	tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH ADU Việt Nam
55	Abamectin 1% + Fosthiazate 10%	Coxbus 11GR	tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH Nam Bắc
56	Abamectin 0.45% + Imidacloprid 1.0%	Abamix 1.45WP	bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Nicotex
57	Abamectin 10g/l (1.8%) + Imidacloprid 98g/l (25%)	Talor 10.8EC, 26.8WP	**10.8EC:** bọ trĩ, rầy nâu/ lúa **26.8WP:** rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
58	Abamectin 10g/l + Imidacloprid 90g/l	Aba-plus 100EC	bọ trĩ, bọ xít hôi, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp muội/ đậu tương	Công ty CP SX TM Bio Vina
59	Abamectin 15g/l + Imidacloprid 90g/l	Emicide 105EC	sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
60	Abamectin 30g/l + Imidacloprid 90g/l	Nosauray 120EC	sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
61	Abamectin 37g/l (108g/kg) + Imidacloprid 3g/l (27g/kg)	Vetsemex 40EC, 135WG	**40EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều **135WG:** sâu khoang/lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
62	Abamectin 35g/l + Imidacloprid 5g/l + Pyridaben 150g/l	Nospider 190EC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
63	Abamectin 18.5g/l + Imidacloprid 3.5g/l + Pyridaben 5.5g/l	Dugamite 27.5EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
64	Abamectin 15g/l + Indoxacarb 50g/l	Sixsess 65EC	sâu cuốn lá, sâu năn/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
65	Abamectin 36g/l + Indoxacarb 14g/l	Abacarb-HB 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
66	Abamectin 30g/l + Indoxacarb 60g/l	Superworm 90SC	sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH TAT Hà Nội

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
67	Abamectin 9g/l (18g/kg) + Lambda-cyhalothrin 45g/l (72g/kg)	Karatimec 54EC, 90WG	**54EC**: sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa **90WG:** sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
68	Abamectin 36g/l + Lambda-cyhalothrin 39g/l	Actamec 75EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ đậu xanh	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
69	Abamectin 30g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l + Phoxim (min 90%) 19.9g/l	Bavella 99.9EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
70	Abamectin 30g/l (20g/l), (20g/kg), (10g/l), (1g/l) + Lambda-cyhalothrin 50g/l (50g/l), (1g/kg), (30g/l), (110g/l) + Thiamethoxam 5g/l (50g/l), (400g/kg), (1g/l), (155g/l)	Kakasuper 85EC, 120EW, 421WP, 41ME, 266SC	**41ME, 85EC, 120EW**: sâu cuốn lá/lúa **266SC, 421WP:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
71	Abamectin 1g/l + Matrine 5g/l	Ametrintox 6EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, lạc, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu ăn hoa/ xoài	Công ty TNHH An Nông
72	Abamectin 20g/l + Matrine 5g/l	Aga 25EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, rệp muội, bọ nhảy/ cải xanh, bắp cải; sâu cuốn lá, dòi đục lá/ đậu xanh, đậu tương; dòi đục lá, sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			vẽ bùa, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ cam; nhện đỏ, bọ xít muỗi, sâu đục quả/ vải, nhãn; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; rệp sáp, nhện đỏ, rầy xanh/ chè, cà phê; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; nhện đỏ, sâu xanh/ bông vải; bọ trĩ/ điều	
		Luckyler 25EC	sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
73	Abamectin 1.8% + Matrine 0.2%	Miktox 2.0EC	bọ xít, sâu đục quả/ vải; rầy bông/ xoài; rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ trĩ, rầy xanh, bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; rệp, sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua	Công ty CP TM BVTV Minh Khai

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
74	Abamectin 20g/l (2.0%) + Matrine 2g/l (0.2%)	Sudoku 22EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ nho; rầy chổng cánh/ cam; bọ trĩ/ điều; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu đục cuống quả, sâu đục gân lá/ vải; tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Tramictin 2.2EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
75	Abamectin 35g/l + Matrine 1g/l	Newlitoc 36EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
76	Abamectin 54g/l + Matrine 0.2g/l	Tinero 54.2EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
77	Abamectin 50 g/l + Matrine 5 g/l	Amara 55EC	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ cải xanh; sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu;	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ, rệp/ chè; sâu xanh da láng/ đậu xanh; sâu đục quả/ đậu tương; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài; mọt đục cành/ cà phê; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân/ điều	
78	Abamectin 50g/l + Matrine 25g/l	Abecyny 75EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
79	Abamectin 20g/l + Methoxyfenozide 80g/l	Fenaba 100SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
80	Abamectin 2% + Methoxyfenozide 8%	Amethoggo 10SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH TM Nam Hải Group
		Kentak 10SC	sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH Được Mùa
81	Abamectin 4g/l (2g/kg) + Methylamine avermectin 35g/l (114g/kg)	Pompom 3.9EC, 11.6WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
82	Abamectin 35 g/l + Permethrin 100g/l	Fisau 135EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
83	Abamectin 2% + Permethrin 7%	Dotimec 9EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
84	Abamectin 40 g/l + Permethrin 150 g/l	SBC-Thon Trang 190EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
85	Abamectin 20g/l + Petroleum oil 250g/l	Đầu trâu Bihopper 270EC	nhện đỏ/ chè, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Bình Điền MeKong
86	Abamectin 0.2% + Petroleum oil 24.3%	Koimire 24.5EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ xoài; nhện lông nhung/ vải; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Petis 24.5 EC	nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH TM Tùng Dương
87	Abamectin 0.5% (5g/l) + Petroleum oil 24.5% (245g/l)	Soka 25 EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam, quýt; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ/ nhãn; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột, dưa hấu; sâu cuốn lá, bọ xít dài, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng/ bông vải; rầy chổng cánh, ruồi đục quả/ cam; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Tikrice 25EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ, rầy canh/ chè	Công ty CP XNK Thọ Khang
88	Abamectin 0.2% + Petroleum oil 24.8%	Feat 25EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa chuột, bí xanh, dưa hấu; dòi đục lá/ cà	Công ty TNHH Nam Bắc

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			chua; sâu khoang/ lạc; nhện đỏ/ cam; nhện lông nhung, nhện đỏ/ nhãn	
89	Abamectin 1% + Petroleum oil 24%	Batas 25EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rầy bông/ xoài; rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
90	Abamectin 0.3% + Petroleum oil 88%	Visober 88.3EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rệp sáp/ cà phê; nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
91	Abamectin 55g/l + Petroleum oil 5g/l	Sword 60EC	nhện đỏ/ vải, nhện lông nhung/nhãn	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
92	Abamectin 5g/l + Petroleum oil 395g/l	Aramectin 400EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
93	Abamectin 18g/l + Petroleum oil 342g/l	Blutoc 360EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	
94	Abamectin 9g/l + Petroleum oil 241g/l	Sieulitoc 250EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
95	Abamectin 2g/l + Phoxim 198g/l	Super site 200EC	sâu khoang/đậu tương	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
96	Abamectin 2% + Profenofos 35%	Nara 37EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Bigfive Việt Nam
97	Abamectin 10g/l + Profenofos 190g/l	Drama 200EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Nông dược Việt Thành
98	Abamectin 10g/l + Profenofos 50g/l + Pyridaben 150g/l	Fidasuper 210EC	nhện đỏ/đậu tương, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Newprojet 210EC	nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
99	Abamectin 6 g/l + Propargite 400 g/l	Mitetv 406ME	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Newfarm Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
100	Abamectin 116g/kg + Pymetrozine 550g/kg	Abachezt 666WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
101	Abamectin 0.3% + Pyridaben 10.2%	Pymite 10.5EC	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Visanto
		Zozavic 10.5EC	rệp bông xơ/mía	Công ty CP Multiagro
102	Abamectin 18 g/l + Pyridaben 150 g/l	Aben 168EC	nhện gié, rầy nâu/ lúa; rệp/ hồ tiêu; sâu hồng/ bông vải; rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
103	Abamectin 20g/l + Pyridaben 160g/l	Nomite-Sạch nhện 180EC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
104	Abamectin 12g/l + Quinalphos 138g/l	Sieu fitoc 150EC	sâu cuốn lá; nhện gié/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
105	Abamectin 12 g/l + Quinalphos 238 g/l	Acpratin 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
106	Abamectin 20g/l + Spinosad 25 g/l	Aterkil 45SC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành; sâu khoang/ lạc; nhện đỏ /cam	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
107	Abamectin 22g/l + Spinosad 25g/l	Rice NP 47SC	sâu đục quả/vải	Công ty TNHH TM Nông Phát
108	Abamectin 1% + Spirodiclofen 19%	Nhện chúa 200SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Multiagro

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
109	Abamectin 1% + Spirodiclofen 12%	Movemite 130EW	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM DV Việt Phát
110	Abamectin 2% + Spirodiclofen 18%	Ω-Spira 20SC	nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
111	Abamectin 5% + Spirodiclofen 20%	Sunmite 25SC	nhện đỏ/ phật thủ	Công ty TNHH Nam Bắc
112	Abamectin 5% + Spirodiclofen 30%	Kaiser-Pro 35SC	bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Radiant AG
113	Abamectin 20g/l + Spirotetramat 100g/l	Ω-Aromat 120SC	nhện đỏ/ chè, cam	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
114	Abamectin 3% + Spirotetramat 21%	ET-Cyvil 24SC	bọ phấn/khoai tây	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd
115	Abamectin 31g/l + Spirotetramat 124 g/l	Pilaravia 155SC	rệp sáp/ hồ tiêu	Pilarquim (Shanghai) Co., Ltd
116	Abamectin 36g/l + Thiamethoxam 72g/l	Solvigo® 108SC	tuyến trùng/ hồ tiêu; tuyến trùng, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
117	Abamectin 10 g/kg + Thiosultap-sodium (Monosultap) 950g/kg	Aba-top 960WP	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân, bọ xít hôi/lúa	Công ty CP SX TM Bio Vina
118	Abamectin 3g/l + Triflumuron (min 97%) 47g/l	MDAbamuron 50SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Mạnh Đan

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
119	Abamectin B2 (min 90%)	Aba B2 50EC	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Tuyen trung B2 50EC	tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty CP Nông nghiệp HP
120	Acetamiprid (min 97%)	Acerhone 300WP	bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Rhone Việt Nam
		Actatoc 200WP, 200EC	**200EC:** rầy nâu/lúa **200WP:** rầy nâu/lúa; rệp bông xơ/mía; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Advice 3EC	rệp sáp bột hồng/ sắn, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế Sara
		Afeno 30WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Amender 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Amsipilan 20SP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Ascend 200SP	rệp sáp/ cà phê, rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Cayman 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Daiwance 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Futai

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Domosphi 10SP, 20EC	**10SP:** rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; sâu xanh/ đậu tương; rầy xanh/ bông vải **20EC:** rệp sáp/ cà phê, sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Thanh Điền
		Google 30WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Hotray 200SL	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Melycit 20SP	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ ca cao	Công ty CP Long Hiệp
		Mopride 20 WP	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Mosflannong 30EC, 200WP, 300SC, 600WG	**30EC, 300SC, 600WG:** sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa **200WP**: bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Mospilan 3EC, 20SP	**3EC:** rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; rầy xanh/bông vải, rầy nâu, rầy lưng trắng, bọ xít/ lúa; bọ trĩ/ vừng **20SP:** Rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Motilan 20SP	bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Motsuper 36WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Nired 3EC	bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
		Otoxes 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Raysuper 30EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Quỳnh Giao
		Sadamir 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sếu đỏ 3EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Tace 20SP	rệp muội/ đậu tương	Công ty TNHH TM Tùng Dương
		Tosi 30WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Uni-aceta 20SP	rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH World Vision (VN)
121	Acetamiprid 30g/l + Alpha-cypermethrin 50g/l	Mospha 80 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
122	Acetamiprid 10% (100g/kg) + Buprofezin 15% (150g/kg)	Sieuray 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Uni-acetafezin 25WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
123	Acetamiprid 20% + Buprofezin 20%	Penalty 40WP	rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH ADC
124	Acetamiprid 20% + Buprofezin 25%	Binova 45WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
125	Acetamiprid 24% + Buprofezin 30%	Khongray 54WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
126	Acetamiprid 150g/kg + Buprofezin 350g/kg	Ba Đăng 500WP	rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
127	Acetamiprid 250 g/kg + Buprofezin 250g/kg	Acetapro 500WP	rầy nâu/lúa	Kital Ltd.
		Everest 500WP	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Nam Bộ
128	Acetamiprid 170g/kg + Buprofezin 380g/kg	Asimo super 550WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
129	Acetamiprid 400g/kg + Buprofezin 250g/kg	Atylo 650WP	rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông
130	Acetamiprid 10g/l (300g/kg) + Buprofezin 20g/l (200g/kg) + Fenobucarb 200g/l (100g/kg)	Chavez 230EC, 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
131	Acetamiprid 100 g/kg + Buprofezin 300g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Rakotajapane 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
132	Acetamiprid 150g/kg + Buprofezin 255g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Calira 555WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
133	Acetamiprid 100 g/kg (50g/l) + Buprofezin 150g/kg (20g/l) + Isoprocarb 50g/kg (300g/l)	Chesone 300WP, 370EC	**300WP:** rầy nâu/ lúa **370EC**: rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
134	Acetamiprid 450g/kg + Buprofezin 300g/kg + Thiamethoxam 50.8g/kg	Osioi 800.8WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
135	Acetamiprid 3% + Cartap hydrochloride 92%	Hugo 95SP	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Hóc Môn
136	Acetamiprid 150g/kg + Dinotefuran 250g/kg	Acnal 400WP	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/cà phê; rệp muội/ bông vải	Công ty TNHH TM Thái Nông
137	Acetamiprid 150g/kg + Dinotefuran 150g/kg	Mitoc-HB 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
138	Acetamiprid 300g/kg + Emamectin benzoate 50g/kg	Jojotino 350WP	bọ trĩ/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
139	Acetamiprid 50 g/l + Fenobucarb 350 g/l	Supertac gold 400EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
140	Acetamiprid 3% (30g/l), (30g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 2% (20g/l), (20g/kg), (20g/kg)	Sutin 5EC, 50SC, 50WP, 50WG	**5EC:** rầy nâu, bọ trĩ/ lúa **50SC, 50WP, 50WG:** rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
141	Acetamiprid 100 g/l + Imidacloprid 55 g/l	Nongiahy 155SL	rệp sáp/ cà phê, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Phong
142	Acetamiprid 70g/kg + Imidacloprid 130g/kg	Sachray 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
143	Acetamiprid 125g/kg + Imidacloprid 125g/kg	Mã lục 250WP	bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
144	Acetamiprid 100 g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Vip super 300WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
145	Acetamiprid 25% + Imidacloprid 8%	Caymangold 33WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
146	Acetamiprid 25% + Imidacloprid 10%	Rid up 35WG	rệp sáp/cà phê	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd
147	Acetamiprid 150 g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Setusa 350WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
148	Acetamiprid 200g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Azorin 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
149	Acetamiprid 200g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Acetat 250EC	rệp bông xơ/mía	Công ty TNHH A2T Việt Nam
150	Acetamiprid 77g/kg + Metolcarb (min 98%) 200g/kg	Diệt rầy 277WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú
151	Acetamiprid 80 g/l + Novaluron 100 g/l	Cormoran 180EC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
152	Acetamiprid 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Apazin-HB 450WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
153	Acetamiprid 250g/kg (400g/kg) + Pymetrozine 250g/kg (300g/kg)	Secso 500WP, 700WG	**500WP:** sâu khoang/ lạc, bọ xít muỗi/ điều, rầy nâu/ lúa **700WG:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
154	Acetamiprid 25% + Pymetrozine 50%	Centrum 75WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
155	Acetamiprid 580g/kg + Pymetrozine 20g/kg	Pycasu 600WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
156	Acetamiprid 10% + Pyridaben 10%	Beetliss 20ME	nhện đỏ/lạc	Brightmart CropScience Co., Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
157	Acetamiprid 30g/l + Pyridaben 170g/l	Sedox 200EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
158	Acetamiprid 186g/l + Pyriproxyfen 124g/l	Trivor 310DC	rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
159	Acetamiprid 10 g/kg + Thiamethoxam 240g/kg	Goldra 250WG	rầy nâu/ lúa, rệp bông xơ/ mía	Công ty CP Nông dược Việt Nam
160	Acetamiprid 100 g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	B-41 350WG	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
161	Acetamiprid 50g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 550g/kg	Alfatac 600WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
162	Acetamiprid 50 g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 700g/kg	Goldan 750WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
163	Afidopyropen (min 92.5%)	Mallot 50DC	rệp sáp/ cà phê, bọ phấn trắng/ sắn, bọ trĩ/dưa chuột	BASF Vietnam Co., Ltd.
164	Alpha-cypermethrin (min 90%)	Ace 5EC	sâu phao/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Alfacua 10EC	sâu đục bẹ/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Đồng Xanh
		Alfathrin 50EC	sâu cuốn lá nhỏ/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Alpha 10EC, 10SC	**10EC**: sâu khoang/ lạc **10SC:** kiến/ cà phê, sâu khoang/ lạc, bọ trĩ/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Map Pacific Pte Ltd
		Alphacide 100EC	bọ xít/lúa	Công ty TNHH TM Đức Nông
		Altach 5EC	sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít/ lạc; rệp muội/đậu xanh, ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Anphatox 5EC, 25EW, 100SC	**5EC**: sâu khoang/ lạc, bọ xít/ lúa **25EW:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rệp muội/ đậu tương; sâu đục quả/ cà phê **100SC:** bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Antaphos 50EC	sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Bestox®5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít/ lúa; rệp/ đậu tương	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Bpalatox 100EC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Caterice 5EC	bọ trĩ/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Cyper-Alpha 5 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dantox 5 EC	bọ trĩ/ lúa, sâu xanh/ bông vải, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fastac 5 EC	bọ trĩ, bọ xít, rầy, sâu cuốn lá/ lúa; rệp/ cà phê	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Fascist 5EC	sâu cuốn lá, bọ xít/lúa; bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP Long Hiệp
		Fastocid 5 EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/khoai lang; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Fastphos 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Fentac 2.0 EC	sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Hóa chất Công nghệ cao Việt Nam
		FM-Tox 25EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH Việt Thắng
		Fortac 5 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Forward International Ltd
		Fortox 50 EC	sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH DV TM Ánh Dương
		Motox 5EC	bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bọ xít, bọ trĩ, sâu keo lúa; sâu đục quả/ đậu xanh	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Newalpha 10EC	rệp sáp/sắn	Công ty TNHH A2T Việt Nam
		Pertox 5EC, 100EW, 250WP	**5EC:** bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa **100EW, 250WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Pytax-s 5EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Sapen-Alpha 5 EC	sâu hồng/ bông vải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, bọ xít hôi/ lúa cạn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Supertox 100EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Khoa học CNC American
		Thanatox 5EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP ND Việt Nam
		Tiper-Alpha 5EC	bọ xít, sâu năn/ lúa; rệp muội/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Unitox 5EC	bọ xít/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vifast 5EC, 10SC	**5EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; bọ xít muỗi/điều **10SC:** bọ xít/ lúa; mối/ cao su, cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
165	Alpha-cypermethrin 120g/l + Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 30g/l	Cupvang 250EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
166	Alpha-cypermethrin 100g/l + Chlorfenapyr 90g/l + Indoxacarb 110g/l	Extrausa 300SE	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
167	Alpha-cypermethrin 25 g/l + Dimethoate 400 g/l	Ablane 425EC	rệp sáp/ cà phê, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
168	Alpha-cypermethrin 20g/l + Dimethoate 280g/l	Cyfitox 300EC	rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; rệp/ mía	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
169	Alpha-cypermethrin 150g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Dinosinjapane 350WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
170	Alpha-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 36g/l	Emarin 86EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
171	Alpha-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Redtoc 100EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
172	Alpha-cypermethrin 5g/kg (10g/kg), (30g/l), (60g/l) + Fenobucarb 50g/kg (10g/kg), (450g/l), (10g/l) + Isoprocarb 30g/kg, (350g/kg), (50g/l), (10g/l)	Sieugon 85GR, 370WP, 530EC, 80EW	**85GR:** rầy lưng trắng/lúa **80EW, 370WP:** rầy lưng trắng, sâu cuốn lá/lúa **530EC:** rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
173	Alpha-cypermethrin 30g/l + Imidacloprid 20g/l	Alphador 50EC	bọ xít, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muỗi/điều; rệp vảy/ cà phê; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty CP Thanh Điền
174	Alpha-cypermethrin 50g/l + Imidacloprid 100g/l + Thiamethoxam 200g/l	Zap 350SC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
175	Alpha-cypermethrin 50g/l (50g/l) + Permethrin 5g/l (50g/l) + Profenofos 30g/l (20g/l)	Ktedo 85EC, 120EW	**85EC:** bọ trĩ/ lúa **120EW:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
176	Alpha-cypermethrin 50g/l (100 g/l) + Phoxim 45g/l (30 g/l)	Kasakiusa 95EC, 130EW	**95EC:** bọ trĩ/lúa **130EW:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
177	Alpha-cypermethrin 10g/l + Profenofos 200g/l	Profast 210EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu xanh/ đậu tương; rệp sáp, rệp vảy, sâu đục quả/ cà phê	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
178	Alpha-cypermethrin 30g/l + Profenofos 270g/l	Actatac 300EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
179	Alpha-cypermethrin 150g/kg + Pymetrozine 400g/kg	Pymestar 550WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Chất và TM Trần Vũ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
180	Alpha-cypermethrin 30g/l + Quinalphos 270g/l	Moclodan 300EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
181	Alpha-cypermethrin 35g/l + Quinalphos 215g/l	Focotoc 250EC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
182	Alpha-cypermethrin 75g/l + Teflubenzuron (min 97%) 75g/l	Imunit 150SC	sâu xanh da láng/lạc, sâu keo mùa thu/ngô	BASF Vietnam Co., Ltd.
183	Amino acid	Amino 15SL	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
184	Amitraz (min 97%)	Binhtac 20EC	nhện gié/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bunchuk 200EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP MT QT Rainbow
		Mitac 20EC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
185	Amitraz 350g/kg + Hexythiazox 100g/kg	Map nano 450WP	nhện gié/lúa	Map Pacific Pte Ltd
186	Annonin (min 95%)	TT-Anonin 1EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ cà chua, sâu tơ/ bắp cải; rầy bông/ xoài; sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH TM Tân Thành

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
187	Azadirachtin (min 15%)	Agiaza 4.5EC	sâu xanh/ cải xanh; sâu đục quả/ ớt; sâu tơ/ bắp cải; rệp sáp/ thuốc lá; nhện đỏ/ hoa hồng; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp/ cà pháo; sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rệp sáp/ na; bọ cánh tơ, nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Altivi 0.3EC	sâu tơ, sâu xanh/ rau cải xanh; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam, quýt; sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Aza 0.15EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Phan Lê
		A-Z annong 0.15EC	rầy nâu, cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ cải bông; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam; rệp muội/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Bio Azadi 0.3SL	bọ trĩ/ nho	Công ty TNHH CNSH Điền Trang Xanh
		Boaza 0.3EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Nông Duyên
		Cittioke 0.6EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua	Eastchem Co., Ltd.
		Econeem Plus 1EC	ruồi đục quả/dưa chuột; bọ trĩ/hoa cúc; nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Biocont Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Goldgun 0.6EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Hoaneem 0.3EC	sâu cuốn lá/lúa; bọ nhảy, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ bưởi	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Jasper 0.3 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ cải xanh, nhện đỏ/ cây có múi, rầy bông/ nho, rệp/ thuốc lá, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kozomi 0.15EC	bọ nhảy/ bắp cải; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Minup 0.3EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp, bọ nhảy/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ, đậu tương; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; nhện đỏ/ cam; rệp đào/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ cà chua; sâu đục quả/ xoài, cà chua, đậu tương; rệp đào, bọ trĩ/chanh leo; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/chè; sâu đục cuống quả/ vải	Công ty TNHH US.Chemical

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Misec 1.0EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ, bọ nhảy, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
		Mothian 0.35EC	sâu tơ/ bắp cải, rau cải, súp lơ, su hào; sâu khoang/ rau dền, mồng tơi, rau muống; sâu đục quả/ cà tím, ớt, đậu côve; bọ nhảy/ cải thảo; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Nông nghiệp Thiên An
		Neem Nim Xoan Xanh green 0.3 EC	ruồi đục lá/ cải bó xôi, rệp sáp/ cà phê, bọ cánh tơ/ chè, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ cải bông, tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
		Nimbecidine 0.03EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Bioactive Việt Nam
		Sarkozy 0.3EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Sokotin 0.3EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Super Fitoc 10EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Trutat 0.32EC	sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; bọ nhảy/ rau cải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bắc
		Vineem 1500EC	rệp/ cải thảo; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ nhảy, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
188	Azadirachtin 1.5g/kg + Chlorfluazuron 200g/kg + Emamectin benzoate 5.5g/kg	Mig 18 207WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
189	Azadirachtin 9g/l + Emamectin benzoate 9g/l	Ramec 18EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
190	Azadirachtin 0.2g/l, (0.1g/l), (0.1g/kg) + Emamectin benzoate 40g/l (74.9g/l), (102.9g/kg)	Emacinmec 40.2EC, 75SC, 103SG	**40.2EC:** sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ/ bắp cải; rầy xanh/ chè; rệp bông/ xoài; nhện đỏ/ cam **75SC:** sâu tơ/bắp cải **103SG:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
191	Azadirachtin 3 g/l (3g/kg) + Emamectin benzoate 22 g/l (52g/kg)	Promathion 25EC, 55WG	**25EC:** nhện đỏ/cam; sâu xanh/ đậu tương; sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải **55WG:** sâu xanh/ đậu tương; sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
192	Azadirachtin 1g/kg + Emamectin benzoate 115g/kg	Dragonfly 116WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư và PT TM QT Thăng Long
193	Azadirachtin 0.124% + Extract of Neem oil 66%	Agrimorstop 66.124EC	sâu khoang/ lạc	Kital Ltd.
194	Azadirachtin 3 g/l + Matrine 2 g/l	Lambada 5EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
195	Azadirachtin 5g/l + Matrine 4g/l	Golmec 9EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
196	Azadirachtin 0.6% + Matrine 0.4%	Biomax 1 EC	sâu xanh bướm trắng, rệp muội, sâu tơ/ bắp cải, cải xanh; sâu xanh da láng/ đậu tương, cà chua; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, rệp muội/ chè; bọ nhảy/ cải làn; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rệp muội/ cam; sâu vẽ bùa, rệp muội, nhện đỏ/ quýt	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
197	Azadirachtin 3g/l + Spinosad 17g/l	Dompass 20SC	sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
198	Azocyclotin (min 98%)	Clotin@top 250WP	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
199	Azocyclotin 150g/l (450g/kg) + Buprofezin 60g/l (250g/kg) + Diflubenzuron 150g/l (50g/kg)	Usagtox 360SC, 750WP	**360SC:** nhện gié/lúa **750WP:** nhện đỏ/ cà phê; sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ phấn trắng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
200	Azocyclotin 400 g/kg + Cyflumetofen 300g/kg	Bung 700WP	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH An Nông
201	Azocyclotin 100g/l (600g/kg) + Flonicamid 260g/l (100g/kg)	Autopro 360SC, 700WP	**360SC**: rệp sáp/cà phê, rầy nâu/lúa **700WP:** nhện gié, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
202	Azocyclotin 150g/l (300g/kg) + Spiromesifen (200g/l) 400g/kg	Trextot 350SC, 700WP	**350SC:** nhện gié/lúa **700WP:** nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
203	*Bacillus thuringiensis*	Multigreen SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Multiagro
204	*Bacillus thuringiensis*. var. 7216	Amatic (10^{10} bào tử/ml) SC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu côve; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Pethian (4000 IU) SC	sâu tơ/ su hào; sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Thiên An
205	*Bacillus thuringiensis* var. 99-1	Enasin 32WP	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu tơ/rau cải, cải thảo; sâu khoang/ rau dền, mồng tơi	Công ty CP ENASA Việt Nam
206	*Bacillus thuringiensis* var. T36	TP-Thần tốc 16.000 IU	sâu đục thân/ lúa; rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; sâu xanh/ cà chua	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
207	*Bacillus thuringiensis* var.aizawai	Aizabin WP	sâu tơ, sâu xanh, sâu đo/ bắp cải; sâu khoang, sâu cuốn lá/ lạc; sâu khoang, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh, sâu khoang, sâu đo/ cà chua; sâu cuốn lá/ cam; sâu xanh, sâu khoang/ thuốc lá; sâu xanh, sâu đo/ bông vải	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Aztron WG 35000 DMBU	sâu tơ/ cải bắp; sâu xanh da láng/ cà chua; sâu xanh da láng, sâu tơ, sâu khoang/ cải xanh; sâu vẽ bùa/ cây có múi; sâu đục quả/ hồng xiêm, xoài	Công ty TNHH Ngân Anh
		Map-Biti WP 50000 IU/mg	sâu xanh, sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ rau cải, dưa hấu; sâu xanh/ cà chua, đậu tương, thuốc lá	Map Pacific Pte Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Xentari 35WG	sâu tơ/ bắp cải, sâu khoang/ nho	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
208	*Bacillus thuringiensis* var.kurstaki	An huy (8000 IU/mg) WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cô ve; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Biocin 16WP, 8000SC	**16WP:** sâu tơ/ rau cải, sâu xanh da láng/ lạc **8000SC:** sâu tơ rau cải, bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Baolus 50000 IU/mg WP	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Bicilus 18WP	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Bio-T Plus 16SL	sâu đục cuống quả/vải; sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
		Comazol (16000 IU/mg) WP	sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; rầy xanh, nhện đỏ/ chè	Công ty CP Nicotex
		Crymax® 35 WP	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Cali Agritech USA.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Delfin WG (32 BIU)	sâu tơ/ rau cải; sâu đo/ đậu đũa; sâu xanh/ cà chua, hoa hồng, hành; sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu khoang, sâu xanh/ bắp cải; sâu róm/ thông	Công ty TNHH Việt Thắng Hà Nội
		Dipel 6.4WG	sâu tơ/ bắp cải, bọ xít muỗi, sâu cuốn lá/ chè; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Forwabit 32WP	sâu xanh/ bắp cải, sâu ăn lá/ bông vải	Forward International Ltd
		Halt 5% WP (32000 IU/mg)	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP Công nghệ tiêu chuẩn sinh học Vĩnh Thịnh
		Jiabat 15WG, (50000 IU/mg) WP	**15WG:** sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải bắp **(50000 IU/mg)WP**: sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kuang Hwa Bao WP 16000 IU/ mg	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Bion Tech Inc.
		MVP 10FS	sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
		Newdelpel (16000 IU/mg) WP, (64000 IU/mg) WG	sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu xanh/ cà chua	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Shian 32 WP (3200 IU/mg)	sâu tơ/ rau cải	Công ty TNHH MTV Tô Nam Biotech
		Thuricide HP, OF 36 BIU	**HP:** sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh/ hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/ vải, cà chua; sâu xanh da láng/ lạc; sâu róm/ thông **OF 36BIU:** sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh/ hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu róm/ thông	Công ty TNHH Việt Thắng
		Vbtusa (16000 IU/mg) WP	sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ cam; sâu róm/ thông; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Vi-BT 32000WP	sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		V.K 16 WP	sâu xanh/ bông vải, sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/ chè	Công ty CP BVTV I TW
209	*Bacillus thuringiensis* var. kurstaki 16.000 IU + Granulosis virus 10^8 PIB	Bitadin WP	sâu ăn lá, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh, sâu xanh da láng, sâu khoang, sâu đục thân, sâu đục quả/bông vải, thuốc lá; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu róm/ thông; rệp bông xơ/ mía; sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH Nông Sinh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
210	*Bacillus thuringiensis* 16000 IU/mg + *Pieris rapae* granulosis virus (PrGV) 10000 PIB/mg	BT-Virus WP	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
211	*Bacillus thuringiensis* var. kurstaki 1.6% (12.800 IU/mg) + Spinosad 0.4%	Xi-men 2SC	bọ phấn, dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ, rệp muội, sâu xanh/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu tương; sâu xanh da láng/ hành; dòi đục lá, nhện đỏ/ dưa chuột; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
212	*Beauveria bassiana* Vuill	Ace bee 210OD	rầy xanh/ chè, sâu tơ/cải bắp	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Bio Power 1.15WP	rệp muội/cải bắp	Công ty TNHH Bioactive Việt Nam
		Biovip 1.5 x 10^9 bào tử/g	rầy nâu, bọ xít/ lúa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long
		Muskardin 10WP	sâu đục thân/ lúa, ngô; sâu xanh da láng/ cà chua, rầy nâu/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
213	*Beauveria bassiana* 1x10^9 bào tử/g + *Metarhizium anisopliae* 0.5 x 10^9 bào tử/g	Trắng xanh WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		TKS-Nakisi WP	rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Thủy Kim Sinh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
214	Bensultap (min 98%)	Pretiny 99.9WP	bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
215	Benzpyrimoxan (min 92%)	Orchestra 10SC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
216	Beta-cypermethrin (min 98%)	Chix 2.5EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Daphatox 35EC	sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
		Nicyper 4.5EC	sâu xanh/ đậu xanh, rệp vẩy/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nicotex
217	Beta-cypermethrin 50g/l, (60g/kg), (10g/l) + Buprofezin 50g/l, (60g/kg), (200g/l)	Okamex 100EC, 120WP, 210SC	**100EC:** sâu đục thân/ lúa **120WP:** sâu cuốn lá/ lúa **210SC:** rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
218	Beta-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 10g/l + Lufenuron 60g/l	Caranygold 120EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
219	Beta-cypermethrin 10g/l, (15g/l), (20g/kg) (20g/l) + Profenofos 200 g/l (100g/l), (300g/kg)	Akulagold 260EW, 275SC, 420WP, 570EC	**260EW, 420WP:** rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê **275SC:** rầy lưng trắng/lúa **570EC:** rầy nâu/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
	(500g/l) + Thiamethoxam 50 g/l (160g/l), (100g/kg) (50g/l)			
220	Benfuracarb (min 92%)	Fucarb 20EC	tuyến trùng/ cà phê, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Oncol 5GR, 20EC, 25WP	**5GR**: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, tuyến trùng/ cà phê **20EC**: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp vảy, tuyến trùng/cà phê **25WP**: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, tuyến trùng, ấu trùng ve sầu/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
221	Bifenazate (min 95%)	Ac-Bifen 43SC	nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Ace bifez 43SC	nhện đỏ/ cam	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Banter 500WG	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Bifemite 43SC	nhện đỏ/ cam, rệp sáp bột hồng/ sắn	Công ty TNHH Agrohao VN
		Bizatetv 400WG	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Nông dược Unichem Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Buti 43SC	nhện đỏ/hoa hồng, hoa cúc	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Floramite 240SC	nhện đỏ/ hoa hồng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Lion Messifen 240SC	nhện đỏ/ cam, hoa hồng	Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Klever
		Mafente Xtra 50WG	nhện đỏ/hoa hồng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Topmite 43SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP KHNN Vinacoop
		Ttiger 22.6SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Zircon 43SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Ω-Bifena 24SC	nhện đỏ/chè, chanh	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
222	Bifenazate 200g/l + Clofentezine 100 g/l	Bifenzin 300SC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
223	Bifenazate 22.5% + Etoxazole 2.5%	Enter 250SC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Nhật Bản
224	Bifenazate 200g/l + Etoxazole 100g/l	Redmite 300SC	nhện đỏ/ cam, chè, dưa hấu	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
225	Bifenazate 30% + Etoxazole 15%	Fairy 45SC	nhện lông nhung/vải; nhện đỏ/hoa hồng; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
226	Bifenazate 30% + Etoxazole 20%	Etbifen 50SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
227	Bifenazate 300g/l + Etoxazole 200g/l	Willmer 500SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
228	Bifenazate 25% + Etoxazole 15%	Amatozole 40SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Agrofarm
229	Bifenazate 250g/l + Etoxazole 150g/l	Bee Red 400SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
230	Bifenazate 18% + Flufenoxuron 5%	Winning Shot 23WG	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
231	Bifenazate 16% + Spirodiclofen 8%	Spider 240SC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
232	Bifenazate 20% + Spirodiclofen 20%	Anmite 40SC	nhện đỏ/cam, cà chua, dâu tây	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
233	Bifenazate 24% + Spirodiclofen 12%	Akita-panzer 36SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Hóa chất Mạnh Hùng
234	Bifenazate 300g/l + Spirodiclofen 150g/l	Kil Spider 450SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Kiên Nam
		Rosser 450SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
235	Bifenazate 240g/l + Spirotetramat 120g/l	Bispiro 360SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Thịnh Vượng Việt
		Epicenter 360SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
236	Bifenthrin (min 97%)	BM-Star 25EC	bọ xít muỗi/điều	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd.
		BifenusaVB 10EW	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
		Habirin 25EC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP TM Hải Ánh
		Maingo 100EC	sâu khoang/khoai lang	Công ty CP Hóc Môn
		Talstar 25EC	sâu xanh da láng/ đậu tương, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH FMC Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
237	Bifenthrin 3% + Chlorfenapyr 7%	Omega-Secbi 10SC	rệp sáp/ cà phê, nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
238	Bifenthrin 10% + Clothianidin 10%	Tomcat 20SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH TM Hải Thụy
239	Bifenthrin 100 g/kg + Diflubenzuron 450 g/kg	Hotnhat 550WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
240	Bifenthrin 50g/l + Flonicamid 100g/l	Rocky 150SC	bọ phấn trắng/sắn	Công ty CP Phát triển Dịch vụ Nông nghiệp IPM
241	Bifenthrin 17.1% + Imidacloprid 17.1%	Vote 34.2SC	sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Phú Nông
242	Bifenthrin 50g/l + Imidacloprid 250g/l	Afenthin 300SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Galil 300SC	nhện gié, bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
243	Bifenthrin 100g/l + Nitenpyram 150g/l	Paketa 250SL	bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Hóa chất Mạnh Hùng
244	Bifenthrin 50g/l + Novaluron 50g/l	Rimon Fast 100SC	sâu xanh da láng/ lạc, mọt đục cành/cà phê, sâu đục thân/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
245	Bifenthrin 10% + Pyriproxyfen 10%	Bipyrhone 20EC	rệp sáp/sắn	Công ty TNHH Rhone Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
246	Bifenthrin 4% + Spirotetramat 20%	Natramat 24SC	rệp sáp/cà phê	Nanjing Agrochemical Co., Ltd.
247	Bifenthrin 6% + Spirotetramat 20%	AF-Fenromat 26SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Agrifuture
248	Broflanilide (min 98.6%)	Brofreya 5SC	sâu tơ/cải bắp; bọ nhảy sọc cong/cải xanh	Mitsui Chemicals Crop & Life Solutions, Inc.
249	Buprofezin (min 98%)	Annongaplau 100WP, 250SC, 400WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Anproud 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Aperlaur 500EC, 250WP, 700WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Apolo 25WP, 25SC	**25SC**: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê **25WP**: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, rầy/ xoài	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Applaud 25SC, 25WP	**25SC**: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cam **25WP:** rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
		Asmai 100WP, 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Bolo 25SC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Bombi 300WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Bush 700WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Butal 25WP	rầy chổng cánh/ cam; rầy nâu/ lúa; rầy xanh/ chè; rệp sáp/ xoài, cà phê; bọ xít muỗi/ điều	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Butyl 10WP, 40WG, 400SC	**10WP**: rầy nâu/ lúa; rầy xanh/ chè **40WG**: rầy bông/ xoài; rầy nâu, rầy nâu nhỏ, rầy lưng trắng/ lúa **400SC**: rầy nâu/ lúa; rầy bông/ xoài	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Difluent 25WP	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ na	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Encofezin 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Hello 250WP, 700WG	**250WP:** rầy nâu/ lúa; rệp, rầy bông/ xoài; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rệp sáp/ cà phê; rầy chổng cánh/ cam **700WG:** Rầy nâu/lúa, rầy bông/xoài, rệp sáp/cà phê, rệp sáp/cam, rệp muội/dưa hấu, bọ xít muỗi/ điều, rầy xanh/lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Lobby 25WP	rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Map-Judo 25 WP	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cam	Map Pacific Pte Ltd
		Oneplaw 10WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Pajero 30WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Partin 25WP	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Profezin 250WP, 400SC	**250WP:** rầy nâu/lúa **400SC:** bọ xít muỗi/chè, rầy bông/xoài, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Ranadi 10 WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Sấm sét 25WP, 400SC	**25WP:** rầy nâu/ lúa, rầy bông/ xoài **400SC:** rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Shadevil 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV SNY
		Thần công 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Tiffy Super 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tiksun 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Uni-prozin 25WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Viappla 25WP	rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
250	Buprofezin 200g/kg + Clothianidin 200g/kg	Nikita 400WP	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
251	Buprofezin 400g/l + Deltamethrin 50g/l	Mastercide 45SC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Sundat (S) Pte Ltd
		Season 450SC	sâu phao, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp, mọt đục cành, sâu đục quả/cà phê; bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
252	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 50g/kg	Sieubup 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
253	Buprofezin 200g/kg + Dinotefuran 50g/kg	Osinaic 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
254	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 150g/kg	Bupte-HB 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
255	Buprofezin 25% + Dinotefuran 5%	Apta 300WP	rầy nâu/ lúa, bọ cánh tơ/chè, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH ADC
256	Buprofezin 180g/kg + Dinotefuran 120g/kg	Dino-top 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
257	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 250g/kg	Lotoshine 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Party 400WP	rầy nâu/lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Raynanusa 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
258	Buprofezin 100 g/l + Dinotefuran 150 g/l + Emamectin benzoate 35 g/l	Dorino 285EC	rầy bông/xoài	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
259	Buprofezin 155g/kg (180g/kg) + Dinotefuran 150g/kg (193g/kg) + Imidacloprid 145g/kg (195g/kg)	Bluecat 450WP, 568WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Cali Agritech USA

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
260	Buprofezin 20g/l (54.5g/l), (90g/kg) + Dinotefuran 0.5g/l (0.5 g/l), (10g/kg) + Isoprocarb 60.5g/l (400g/l), (400g/kg)	Sinevagold 81EW, 455EC, 500WP	**81EW:** bọ trĩ/lúa **455EC:** rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê **500WP:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
261	Buprofezin 7% + Fenobucarb 20%	Applaud-Bas 27 WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
262	Buprofezin 100g/l + Fenobucarb 500g/l	Hoptara2 600EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
263	Buprofezin 5g/kg, (100g/l), (300g/kg) + Fenobucarb 80g/kg, (500g/l), (350g/kg)	Roverusa 85GR, 600EC, 650WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
264	Buprofezin 250g/l + Fenobucarb 425g/l	Gold-cow 675EC	rầy nâu/lúa, bọ xít/hồ tiêu; rệp sáp/cà phê; rệp/đậu xanh; sâu xanh/lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
265	Buprofezin 120g/kg, (10g/l), (20g/l) + Fenobucarb 10g/kg (10g/l), (500g/l) + Thiamethoxam 10g/kg (350g/l), (1g/l), (30g/l)	Helloone 140WP, 370SC, 550EC	**550EC:** rầy lưng trắng/lúa **140WP, 370SC:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
266	Buprofezin 100g/kg (20g/l) + Fenobucarb 10g/kg ((500g/l) + Thiamethoxam 10g/kg (30g/l)	Buccas 120WP, 550EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
267	Buprofezin 6.7% + Imidacloprid 3.3%	Imiprid 10WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
268	Buprofezin 150g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Byeray 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Cytoc 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Shepatoc 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
269	Buprofezin 200g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Anchies 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
270	Buprofezin 195g/kg + Imidacloprid 25g/kg	Ascophy 220WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
271	Buprofezin 250g/kg + Imidacloprid 25g/kg	Efferayplus 275WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
272	Buprofezin 10% + Imidacloprid 20%	Daiphat 30WP	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Futai

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Uni-prozindor 30WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
273	Buprofezin 200g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Hasuper 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
		Imburad 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Tvdan 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
274	Buprofezin 250g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Babsax 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
275	Buprofezin 250g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Map spin 350WP	rầy nâu/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
276	Buprofezin 22% + Imidacloprid 17%	Thần Công Gold 39WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
277	Buprofezin 25% + Imidacloprid 15%	IMI.R4 40WP	rầy nâu/ lúa; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi, bọ trĩ/ điều; rầy xanh/ bông vải	Công ty CP Thanh Điền
278	Buprofezin 300 g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Wegajapane 450WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
279	Buprofezin 40% + Imidacloprid 10%	Gold Tress 50WP	rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
280	Buprofezin 450g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Diflower 600WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê
281	Buprofezin 20g/kg, (50g/l), (200g/l), (250g/kg) + Imidacloprid 100g/kg, (200g/l), (200g/l), (500g/kg)	VK.Superlau 120WP, 250EC, 400SC, 750WG	**120WP:** rầy nâu/ lúa **250EC, 400SC, 750WG:** bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
282	Buprofezin 20g/kg + Imidacloprid 20g/kg + Isoprocarb 410g/kg	Topogold 450WP	rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
283	Buprofezin 300g/l (550g/kg) + Imidacloprid 30g/l (150g/kg) + Lambda-cyhalothrin 50g/l (50g/kg)	Iltersuper 380SC, 750WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
284	Buprofezin 190g/kg (150g/kg) + Imidacloprid 18g/kg (150g/kg) + Thiosultap-sodium 38g/kg (50g/kg)	Actaone 246WP, 350WG	**246WP:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **350WG:** rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
285	Buprofezin 5% (50g/kg) + Isoprocarb 20% (200 g/kg)	Applaud-Mipc 25SP	rầy/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Apromip 250WP	rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Jabara 25WP	rầy nâu/ lúa	FarmHannong Co., Ltd.
286	Buprofezin 6% + Isoprocarb 19%	Sanvant 25EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Superista 25EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
287	Buprofezin 200g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Goldcheck 750WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
288	Buprofezin 60% + Nitenpyram 10%	Rết độc 700WG	rệp muội/đậu tương	Công ty CP BVTV ATC
289	Buprofezin 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Pytrozin 450WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
290	Buprofezin 150 g/kg (150g/kg) + Pymetrozine 150 g/kg (500g/kg)	Tvpymemos 300WP, 650WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
291	Buprofezin 150g/kg, (50g/kg) + Pymetrozine 20g/kg, (500g/kg)	Chesgold 170WP, 550WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
292	Buprofezin 200g/kg (50g/kg) + Pymetrozine 200g/kg (500g/kg)	Topchest 400WP, 550WG	**400WP:** rầy nâu/ lúa **550WG:** rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
293	Buprofezin 200g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Biggun 700WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
294	Buprofezin 100g/kg + Pymetrozine 400g/kg	Andoches-super 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
295	Buprofezin 330g/kg + Pymetrozine 170g/kg	Rocking 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
296	Buprofezin 255g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Zheds® 555WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
297	Buprofezin 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Chatot 600WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
298	Buprofezin 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Vintarai 600WG	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
299	Buprofezin 450g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Mazzin 650WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
300	Buprofezin 20g/kg + Pymetrozine 40g/kg	Azatika 60WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
301	Buprofezin 220g/l + Spirotetramat 110g/l	Bufe-Pro 330SC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		MDSpiro 330SC	rệp sáp/cam	Công ty CP Mạnh Đan
302	Buprofezin 22% + Spirotetramat 11%	Sunprozin 33SC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Agrofarm
303	Buprofezin 26% + Spirotetramat 13%	Spiro-TAT 39SC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH A2T Việt Nam
304	Buprofezin 10% + Tebufenozide 5%	Jia-ray 15WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Quada 15WP	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
305	Buprofezin 450g/kg + Tebufenpyrad (min 98%) 250g/kg	Newtime 700WP	nhện gié, rầy nâu/ lúa, nhện đỏ/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
306	Buprofezin 250 g/kg + Thiamethoxam 50 g/kg	Acme 300WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
307	Buprofezin 449g/l (50g/kg) +	Aplougent	**450SC:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
	Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 1g/l (450g/kg)	450SC, 500WP	**500WP:** sâu đục thân/lúa	Việt Nam
308	Carbaryl (min 99%)	Baryl annong 85WP	sâu đục thân/ lúa; tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Carbavin 85WP	rầy/ hoa hồng	Bion Tech Inc.
		Comet 85WP	rầy nâu/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Forvin 85WP	sâu đục thân/ lúa	Forward International Ltd
		Saivina 430SC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sebaryl 85SP	rầy nâu/ lúa, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
309	Carbosulfan (min 93%)	Afudan 3GR, 20SC	**3GR:** sâu đục thân/ ngô; tuyến trùng/ cà phê, mía; rầy nâu/ lúa **20SC:** sâu đục thân/ lúa, bọ trĩ/ bông vải	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Amitage 200EC	rầy nâu/lúa, mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Carbosan 25EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Coral 5GR, 200SC	**5GR:** sâu đục thân/ lúa **200SC:** rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH - TM ACP
		Dibafon 5GR, 200SC	**5GR:** tuyến trùng/ mía **200SC:** rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; rệp sáp bột hồng/ sắn; tuyến trùng/ hồ tiêu; sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
		Dofacar 5GR	Tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Marshal 5GR, 200SC	**5GR:** sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; tuyến trùng/ cà phê **200SC**: sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, ve sầu/ cà phê	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Vifu-super 5GR	tuyến trùng/ hồ tiêu, cà phê; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu năn, rầy nâu, tuyến trùng/lúa; sâu đục thân/ ngô, mía; sùng đất/ mía	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
310	Carbosulfan 200 g/l + Chlorfluazuron 50g/l	Sulfaron 250EC	sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu keo, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp, mọt đục cành /cà phê; sâu xanh láng/ lạc, rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang
311	Cartap (min 97%)	Berbiao 50SP	sâu đục thân/ mía	Sinon Corporation
		Badannong	**10GR:** sâu đục thân/ lúa, mía	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		10GR, 95SP	**95SP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu ăn lá/ lạc	
		Bazan 5GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Caral 95SP	sâu đục thân/ lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Dantac 50GR, 500SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Gà nòi 4GR, 95SP	**4GR**: sâu đục thân/ lúa **95SP**: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Jiatap 95SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kapap 500SP	bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Ledan 4GR, 95SP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Longkick 50SP	sâu đục thân/ lúa	FarmHannong Co., Ltd.
		Nicata 95SP	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Padan 95SP	sâu đục thân/ mía; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Patox 4GR, 95SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu đục thân/ mía	Công ty CP BVTV I TW

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Supertar 950SP	bọ xít/hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân/ngô, mía; sâu khoang/lạc; sâu đục hoa/đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp/thuốc lá; sâu xanh/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Wofadan 4GR, 95SP	**4GR:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **95SP:** sâu đục thân/ lúa, ngô	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Vicarp 4GR, 95WP	**4GR:** sâu đục thân/ lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
312	Cartap hydrochloride 470g/kg + Imidacloprid 30g/kg	Abagent 500WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
313	Cartap 75% + Imidacloprid 10%	Nosau 85WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
314	Celastrus angulatus	Ace celaa 1EW	rầy xanh/chè	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Agilatus 1EC	sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/ lúa; bọ trĩ/ chè; rệp sáp/ cam; sâu đục quả/ vải; sâu tơ/ bắp cải; bọ nhảy/ rau cải; nhện đỏ/ ớt; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ thuốc lá	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Emnus 1EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; rầy xanh, bọ trĩ/ chè; dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH Trường Thịnh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
315	Chlorantraniliprole (min 93%)	Bestrole 400SC	sâu keo mùa thu/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Brethon plus 20SC, 0.4GR	**20SC:** sâu keo mùa thu/ngô **0.4GR:** sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Lipro 150SC	sâu xanh da láng/hành	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Prevathon® 0.4GR, 200SC, 35WG	**0.4GR:** sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu đục thân/ mía; sâu đục củ/ khoai lang **200SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục cuống quả/vải **35WG:** sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc; sâu xanh sọc trắng, dòi đục lá/ dưa hấu	Công ty TNHH FMC Việt Nam
316	Chlorantraniliprole 15% + Chlorfenapyr 10%	Tesla 25SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Vestaron
317	Chlorantraniliprole 100g/l + Lufenuron 100g/l	Resvo 200SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Phú Nông
318	Chlorantraniliprole 200g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Virtako® 40WG	rầy lưng trắng, rệp, sâu đục thân/ ngô; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
319	Chlorbenzuron (min 95%) 20% + Pyridaben 10%	HTPMite 300WP	nhện đỏ/ cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
320	Chlorfenapyr (min 94%)	AD-Shark 30SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Alex 20SC, 50WG	**20SC:** nhện gié/ lúa **50WG:** sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Chim sâu 250SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Chlorferan 240SC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, sâu năn, sâu đục bẹ, bọ trĩ, sâu đục thân/lúa; bọ trĩ/hoa mai; sâu xanh/hoa hồng; dòi đục lá, sâu xanh da láng/đậu tương; nhện đỏ/ hoa hồng; mối/ cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Danthick 100EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/đậu tương	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Fan-Extra 350SC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu cắn gié/lúa; sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Fenapyr 150WP	sâu cuốn lá /lúa, sâu cuốn lá đầu đen/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Fenrole 240SC	sâu xanh da láng/ lạc; bọ xít muỗi/ca cao, điều	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Force excel 240SC	nhện đỏ/ hoa hồng; sâu xanh/ đậu tương; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Igro 240SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Kepler 240SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Masterpyr 240SC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Phát triển Dịch vụ Nông nghiệp IPM
		Ohayo 100SC	sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Sampyer 360SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP SAM
		Secure 10EC, 10SC	**10EC:** sâu xanh da láng/ đậu xanh, sâu cuốn lá/ lúa **10SC:** sâu xanh da láng/ lạc	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Sender 100EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Solo 350SC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc, đậu xanh	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Superjet 25EC, 110SC	**25EC:** rầy lưng trắng/ lúa **110SC:** sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Spear 240SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Vestaron
		Tofedo 240SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
		Yamato 25EC, 110SC	rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
321	Chlorfenapyr 100g/l + Cypermethrin 20g/l	Anstingold 120SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Bugatteegold 120SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
322	Chlorfenapyr 10g/l + Chlorfluazuron 100g/l	Berry 110EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
323	Chlorfenapyr 100g/l + Chlorfluazuron 150g/l	Timdiet 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
324	Chlorfenapyr 10% + Diafenthiuron 40%	Dofengoal 50SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP SX và TM Hà Thái
325	Chlorfenapyr 100g/l + Diafenthiuron 250g/l	Diafenpyr 350SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH US Agro

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
326	Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 20g/l	Chipu 120SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		Etameggo 120SC	sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
		Tria 12SC	sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP Kỹ thuật NN I.FI
327	Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Bạch Hổ 150SC	sâu xanh da láng/ lạc; nhện gié, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/bông vải; bọ trĩ/điều; dòi đục lá/hoa cúc	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
328	Chlorfenapyr 150 g/l + Emamectin benzoate 20 g/l	Super Ken 170SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
329	Chlorfenapyr 25g/l + Fenpropathrin 110g/l	Ikander 135EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
330	Chlorfenapyr 100g/l + Flufiprole 100g/l	Apro 200SC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
331	Chlorfenapyr 50g/l + Hexythiazox 50g/l	Secsorun 100SC	nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP Nông Việt

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
332	Chlorfenapyr 10g/l + Indoxacarb 160g/l	Pylagold 170SC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Pysedo 170SC	sâu keo mùa thu/ ngô; dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
333	Chlorfenapyr 100g/l + Indoxacarb 100g/l	New Fuze 200SC	rệp sáp/ hồ tiêu; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
334	Chlorfenapyr 8% + Indoxacarb 16%	Chinock 24SC	sâu keo mùa thu/ ngô; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Nam Bắc
335	Chlorfenapyr 7.5% + Indoxacarb 2.5%	Chlorin 10SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nicotex
336	Chlorfenapyr 25% + Indoxacarb 10%	Kungold 35SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Bigfive Việt Nam
337	Chlorfenapyr 100g/l + Indoxacarb 40 g/l	Dofenapyr 140SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH B.Helmer
338	Chlorfenapyr 25g/l + Lambda-cyhalothrin 30g/l	Toposa 55EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
339	Chlorfenapyr 30g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l + Profenofos 400g/l	Picana 450EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
340	Chlorfenapyr 25g/l + Lufenuron 25g/l	Dadygold 50EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
341	Chlorfenapyr 200g/l + Lufenuron 50 g/l	Alupyr 250SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Liberal 250SC	rệp muội/lạc	Công ty CP Kiên Nam
		Fan-Pro 250SC	sâu cuốn lá/đậu tương; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
342	Chlorfenapyr 15% + Lufenuron 10%	Lufen plus 25ME	sâu khoang/lạc	Công ty CP SX và TM Công nghệ Châu Âu
343	Chlorfenapyr 190g/l + Lufenuron 50g/l	Chlolufen 240SC	sâu khoang/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
344	Chlorfenapyr 100 g/l + Metaflumizone 200g/l +	Asapyr 300SC	nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Vario 300SC	nhện đỏ/đậu tương; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
345	Chlorfenapyr 100g/l + Phoxim 50g/l	Pylat 150EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
346	Chlorfenapyr 150g/l + Profenofos 50g/l	Palcon 200EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
347	Chlorfenapyr 250 g/l + Spirodiclofen 100 g/l	Fanmax 350SC	sâu cuốn lá, rầy phấn trắng /lúa; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Phú Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
348	Chlorfenapyr 11.5% + Spinosad 2.5%	Ω-Pino 14SC	sâu xanh da láng/ đậu tương, rệp muội/ lạc	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
349	Chlorfenapyr 80g/l + Tebufenozide 200g/l	NBC-Taboo 280SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Nam Bắc
350	Chlorfenapyr 100 g/l + Thiamethoxam 200 g/l	Tifena 300SC	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH MTV Lucky
351	Chlorfenapyr 100g/l + Tolfenpyrad 100g/l	Tolena 200SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Gap Agro
352	Chlorfluazuron (min 94%)	Alulinette 50EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Atabron 5EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương, hành, lạc; sâu khoang/ khoai lang	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Atannong 50EC, 50SC	**50EC:** sâu phao/ lúa **50SC:** sâu khoang/ lạc, sâu xanh da láng/ đậu xanh	Công ty TNHH An Nông
		Cartaprone 5EC	sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Hama 250SC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP BVTV ATC
353	Chlorfluazuron 100g/l + Clothianidin 170g/l	TT Glim 270SC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
354	Chlorfluazuron 110g/l + Dinotefuran 160g/l	TT Checker 270SC	rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng, sâu phao/lúa; bọ nhảy/bắp cải, bọ trĩ/chè, bọ phấn/cà chua, rầy/xoài; dòi đục lá/dưa hấu	Công ty TNHH TM Tân Thành
355	Chlorfluazuron 2g/l + Emamectin benzoate 40g/l	Futoc 42EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
356	Chlorfluazuron 50g/l (100g/kg) + Emamectin benzoate 20g/l (40g/kg)	Director 70EC, 140WP	**70EC:** sâu tơ/ bắp cải, nhện đỏ/ ớt, sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ hoa lay ơn **140WP**: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
357	Chlorfluazuron 55g/l + Emamectin benzoate 20g/l	AK Dan 75EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
358	Chlorfluazuron 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Ammeri 150EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
		Cabala 150EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Shipper 150EC	sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
359	Chlorfluazuron 100g/l (100g/kg), (100g/kg) + Emamectin benzoate 40g/l (40g/kg), (40g/kg)	Alantic 140SC, 140WG, 140WP	**140WG:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **140WP:** nhện gié, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **140SC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ

(Xem tiếp Công báo số 03 + 04)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng